

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày 10/01/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2024/TLST-KDTM về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” ngày 19/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-KDTM ngày 18/10/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-KDTM ngày 18/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-KDTM ngày 10/12/2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Việt S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

\* *Bị đơn:* Công ty cổ phần T2.

Địa chỉ: Số A, đường Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T – Giám đốc

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Văn B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Ông S, ông T và ông T1 có mặt; ông B vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đỗ Việt S trình bày:*

Ông đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lương Thị H, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, theo giấy ủy quyền này 22/7/2024 được chứng thực tại UBND thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bà H làm kinh doanh vật liệu xây dựng tại thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400595436-001 do Phòng tài chính- kế hoạch huyện Y cấp ngày 29/9/2023.

Năm 2023 Công ty cổ phần T2 (gọi tắt là Công ty) trúng thầu xây dựng trụ sở Công an xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, do xã H, huyện Y và xã Đ, huyện Y giáp ranh nhau nên Công ty đặt vấn đề để bà H cung cấp nguyên vật liệu xây dựng cho Công ty xây trụ sở Công an xã Đ, phía Công ty giới thiệu ông Vũ Văn B đến để mua nguyên vật liệu xây dựng của bà H. Trong quá trình lấy nguyên vật liệu xây dựng chỉ có duy nhất ông B là người đến giao dịch trực tiếp lấy nguyên vật liệu, phía bà H có người vận chuyển nguyên vật liệu đến công trình theo yêu cầu của ông B. Quá trình mua bán, ông B là người trực tiếp thanh toán tiền, hình thức thanh toán toàn bộ bằng tiền mặt, quá trình xây dựng dài ngày nên có lúc ông B trả tiền ngay, có lúc ông B lấy nguyên vật liệu nhưng chịu tiền.

Ngày 24/5/2023 công trình trụ sở Công an xã Đ đã cơ bản thi công xong, phía ông B còn nợ 176.736.000 đồng tiền nguyên vật liệu xây dựng, bà H và ông B thống nhất nên bà H viết Biên bản xác nhận công nợ ngày 24/5/2023 bà H, ông B đã ký biên bản này. Sau này, phía Công ty cần thêm 3 xe cát lót để cán sân công trình nên ông Hoàng Văn T1 là giám đốc Công ty đã gọi điện cho bà H để lấy thêm 03 xe cát lót tổng giá trị là 4.800.000 đồng, khi lấy cát thì ông T1 viết xác nhận việc lấy 03 xe cát lót tổng giá trị là 4.800.000 đồng vào phần cuối sau chữ ký của bà H và ông B trong Biên bản xác nhận công nợ ngày 24/5/2023.

Sau này bà H có gọi điện nhiều lần nhưng không được thanh toán, đến ngày 03/7/2023 ông Hoàng Văn T1 hẹn các bên xuống làm việc và các bên đã thống nhất theo Biên bản làm việc ngày 03/7/2024 tại Văn phòng Công ty cổ phần T2. Tại biên bản này Công ty xác nhận nợ vật liệu xây dựng 176.736.000 đồng, đây là phần Công ty nợ bà H tiền nguyên vật liệu xây dựng do ông B lấy để thi công công trình trụ sở Công an xã Đ.

Nay bà H yêu cầu Công ty phải trả cho bà H số tiền 176.736.000 đồng do ông B lấy nguyên vật liệu xây dựng và 4.800.000 đồng tiền 03 xe cát lót do ông Hoàng Văn T1- Giám đốc Công ty cổ phần T2, tổng cộng 181.536.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu Công ty phải trả tiền lãi trên số tiền 181.536.000 đồng còn nợ nêu trên tính từ ngày 03/7/2023 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Lý do

yêu cầu lãi là do Công ty đã chiếm dụng vốn của bà H và không trả từ ngày 03/7/2023.

Đối với việc giao dịch lấy nguyên vật liệu của Công ty với bà H, đại diện Công ty là ông Hoàng Văn T1- Giám đốc giao dịch với bà H về mua bán nguyên vật liệu, khi giao dịch hai bên chỉ giao dịch miệng mà không làm văn bản, sau đó ông T1 giới thiệu ông B là người trực tiếp thay mặt Công ty để lấy nguyên vật liệu xây dựng tại cửa hàng của bà H.

Đối với ông B nguyên đơn xác định địa chỉ của ông B tại Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 10 năm 2024, ông Đỗ Viết S thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu Công ty phải trả cho bà H 176.736.000 đồng, nhưng trừ đi số tiền 60.000.000 đồng mà ông B đã trả cho bà H ngày 05/10/2024. Đối với tiền lãi, ông đề nghị tính từ ngày 23/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm trên số tiền chưa thanh toán giữa các bên ở từng thời điểm. Đối với số tiền 4.800.000 đồng tiền 03 xe cát lốt do ông Hoàng Văn T1 gọi lấy, ông xin rút yêu cầu này.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của bị đơn- ông Đỗ Văn T trình bày:*

Năm 2022 Công ty cổ phần T2 (Công ty) trúng thầu xây dựng trụ sở Công an xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, do UBND xã Đ làm chủ đầu tư, hai bên đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 0811/2022/HĐKT-TCXD ngày 08/11/2022 gói thầu xây lắp, thuộc công trình: Xây dựng trụ sở Công an xã Đ, huyện Y. Sau khi trúng thầu, Công ty hợp đồng miệng giao lại cho ông Vũ Văn B tiến hành thi công; phía Công ty chỉ chịu trách nhiệm chất lượng, tiến độ công trình với chủ đầu tư, chịu trách nhiệm thanh toán cho ông B, việc thi công, lấy nguyên vật liệu do ông B tự làm tự chịu. Phía Công ty với bà H không có liên hệ gì, chỉ khi bà H liên hệ với ông Ba K được thì mới tìm đến Công ty nên Công ty gọi ông B về giải quyết, thời điểm đó ông T1 phụ trách Công ty đã gọi các bên đến trụ sở Công ty làm việc và các bên đã ra Biên bản làm việc ngày 03/7/2023, phía Công ty chỉ là người thứ 3 đứng ra tổ chức cho các bên giải quyết các vấn đề còn khúc mắc. Sau này, ngày 09/12/2023 Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thi công cho ông B để ông B thanh toán các nghĩa vụ khi thi công công trình

Nay bà H yêu cầu Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ trả bà Lương Thị H tổng số tiền 194.373.600 đồng, trong đó có 181.536.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và 18.153.600 đồng là tiền lãi trên số tiền 194.373.600 đồng. Quan điểm của công ty là phía công ty chỉ đứng ra dàn xếp cho các bên, còn trách nhiệm nợ với bà H là của ông B, vì việc lấy nguyên vật liệu là do ông B tự lấy, tự chịu trách nhiệm thanh toán, phía công ty đã thanh toán đầy đủ đối với ông B.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Hoàng Văn T1 trình bày:*

Năm 2022 Công ty cổ phần T2 (Công ty) trúng thầu xây dựng trụ sở Công an xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, do UBND xã Đ làm chủ đầu tư, hai bên đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 0811/2022/HĐKT-TCXD ngày 08/11/2022 gói

thầu xây lắp, thuộc công trình: Xây dựng trụ sở Công an xã Đ, huyện Y. Sau khi trúng thầu, Công ty hợp đồng miệng giao lại cho ông Vũ Văn B tiến hành thi công, ông B là đơn vị bên ngoài, không phải là người của Công ty; phía Công ty chỉ chịu trách nhiệm chất lượng, tiến độ công trình với chủ đầu tư, chịu trách nhiệm thanh toán cho ông B, việc thi công, lấy nguyên vật liệu do ông B tự làm tự chịu. Ông T1 thay mặt Công ty để đơn đốc, kiểm tra, thăm hỏi lao động trên công trình thi công. Ông T1 không tham gia gì vào việc thi công, lấy nguyên vật liệu xây dựng vì Công ty đã có hợp đồng giao cho ông B chịu trách nhiệm toàn bộ lấy nguyên vật liệu, thi công công trình trên.

Khi thi công công trình xong, các đơn vị liên quan đến cung cấp vật liệu, thi công công trình tự tìm đến Công ty để nhờ Công ty giải quyết giúp công nợ của ông B. Do đó, Công ty gọi ông B đến Công ty giải quyết, ngày 03/7/2023 Công ty cùng các bên đến giải quyết và lập Biên bản làm việc ngày 03/7/2023, khi làm việc có bà Lương Thị H, ông Vũ Văn B, đại diện một số đơn vị khác và ông, về phía ông chỉ được Công ty giao làm việc với các bên để dàn xếp, giải hòa, thỏa thuận cho các bên với ông B.

Về nội dung Biên bản làm việc ngày 03/7/2023, Công ty chỉ giúp các bên dàn xếp để ông B có trách nhiệm thanh toán với bà H và các đơn vị khác có liên quan trong việc xây dựng công trình nêu trên. Còn trách nhiệm thanh toán công nợ với bà H cũng như các đơn vị khác là trách nhiệm của ông B.

Đối với ông H1 (ghi trong biên bản xác nhận công nợ ngày 24/5/2023 giữa ông B và bà H), ông H1 không phải người của Công ty, theo ông được biết ông H1 là cán bộ địa chính, xây dựng của UBND xã Đ.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Văn B trình bày:*

Ông làm xây dựng tự do, không theo công ty nào, năm 2023 Công ty cổ phần T2 (Công ty) trúng thầu xây dựng trụ sở Công an xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, sau đó phía Công ty và ông thỏa thuận miệng giao lại cho ông thực hiện thi công toàn bộ móng, nhà, điện nước và tường rào công trình này, ông chịu trách nhiệm toàn bộ từ lấy nguyên vật liệu, thi công, quá trình thi công, ông lấy nguyên vật liệu xây dựng từ chỗ bà Lương Thị H, ông B và bà H chỉ thỏa thuận miệng về việc lấy nguyên vật liệu từ cửa hàng của bà H, mỗi lần lấy nguyên vật liệu bà H ghi chép sổ của bà H, mỗi lần lấy vật liệu thì lấy gói không quá 15.000.000 đồng thanh toán một lần, toàn bộ quá trình thi công, ông đã lấy vật liệu từ chỗ bà H khoảng 670.000.000 đồng và đã thanh toán hơn 500.000.000 đồng, hình thức thanh toán cả chuyển khoản và tiền mặt, có 01 mã ông chuyển khoản 180.000.000 đồng, còn lại là tiền mặt, sau khi thanh toán thì bà H sẽ trừ đi trong sổ ghi chép của bà H.

Ngày 24/5/2023, ghi gần kết thúc thi công, bà H đã viết Biên bản xác nhận công nợ với tổng số nợ vật liệu đã lấy là 176.736.000 đồng và ông đã ký xác nhận. Sau đó, ông có đã trả thêm cho bà H hơn 10.000.000 đồng nữa vào khoảng đầu tháng 7/2024 và bà H có viết 01 Giấy giãn nợ cho ông với nội dung ông còn nợ 160.000.000 đồng tiền vật liệu xây dựng và ông có nghĩa vụ trả dần theo tháng

trong vòng 06 tháng, từ tháng 7/2024 đến hết tháng 12/2024, giấy này ông ký còn bà H giữ giấy.

Đối với Biên bản làm việc ngày 03/7/2023 tại Công ty cổ phần T2, việc làm biên bản này là do lúc đó Công ty chưa thanh toán tiền cho ông nên giữa các bên mới làm biên bản này, ngày 09/12/2023 Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thi công cho ông, nhưng do còn có nghĩa vụ trả nợ khác nên ông chưa thanh toán được cho bà H.

Đối với phần ghi 3 xe cát lót sân, đổ bê tông tổng 4.800.000 đồng phần dưới cùng trong Biên bản xác nhận công nợ ngày 24/5/2023 là viết sau này, ông không nắm được việc này.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T2, có nghĩa vụ trả tổng số tiền 194.373.600 đồng, trong đó có 181.536.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và 18.153.600 đồng là tiền lãi trên số tiền 194.373.600 đồng. Quan điểm của ông, việc lấy nguyên vật liệu là do ông giao dịch và lấy từ chỗ bà H, ông nhận hợp đồng xây dựng với Công ty và đã được Công ty thanh toán. Hơn nữa, ông và bà H đã có thỏa thuận và viết Giấy giãn nợ đầu tháng 7/2024, nên ông có trách nhiệm thanh toán nợ với bà H.

\* Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Ông S giữ nguyên yêu cầu Công ty cổ phần T2 phải trả cho bà H 176.736.000 đồng, nhưng trừ đi số tiền 60.000.000 đồng mà ông B đã trả cho bà H ngày 05/10/2024, số tiền Công ty còn phải trả cho nguyên đơn là 116.730.000 đồng. Nếu Công ty đồng ý trả 116.730.000 đồng vào ngày 30/4/2025 thì ông sẽ rút yêu cầu toàn bộ tiền lãi và tiền 03 xe cát lót do ông Hoàng Văn T1 gọi lấy là 4.800.000 đồng. Đồng thời, ông không yêu cầu về lãi suất chậm thi hành án và xin chịu một phần án phí sơ thẩm trong vụ án bằng với số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 4.859.000 đồng, số tiền án phí sơ thẩm còn lại thì phía Công ty phải chịu.

- Ông Đỗ Văn T là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần T2 trình bày: Phía nguyên đơn rút toàn bộ tiền lãi, tiền 03 xe cát lót là 4.800.000 đồng, không yêu cầu lãi suất chậm thi hành án và chịu một phần án phí sơ thẩm là 4.859.000 đồng thì bị đơn đồng ý trả 116.730.000 đồng cho nguyên đơn vào ngày 30/4/2025.

- Ông Hoàng Văn T1: Tôi đồng ý với thống nhất với các nội dung mà ông S và ông T vừa trình bày.

Hội đồng xét xử công bố toàn bộ lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn B, các đương sự đều không có ý kiến gì và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T1 cơ bản đã tuân thủ theo đúng các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B chưa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa.

- Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị H 116.730.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), thời điểm trả vào ngày 30/4/2025.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi, yêu cầu đòi tiền 03 xe cát lốt là 4.800.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn.

3. Về án phí:

- Buộc Công ty cổ phần T2 phải chịu 5.836.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba sáu nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lương Thị H đã nộp là 4.859.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001924 ngày 19/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Công ty cổ phần T2 còn phải nộp 977.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn có đăng ký kinh doanh, tên hộ kinh doanh: Hộ kinh doanh LƯƠNG THỊ H do Phòng tài chính - kế hoạch huyện Y cấp đăng ký lần đầu ngày 29/9/2023, bị đơn là Công ty cổ phần T2, nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi tiền trong giao dịch mua bán vật liệu xây dựng, nên được xác định là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, bị đơn có địa chỉ tại thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền mua nguyên vật liệu xây dựng của nguyên đơn đối với bị đơn:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đều thống nhất nội dung giải quyết vụ án như sau:

- Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ trả bà Lương Thị H 116.730.000 đồng vào ngày 30/4/2025.

- Ông Đỗ Viết S rút yêu cầu toàn bộ tiền lãi và 4.800.000 đồng tiền 03 xe cát lốt. Đồng thời, ông không yêu cầu về lãi suất chậm thi hành án và đồng ý chịu một

phần tiền án phí sơ thẩm trong vụ án bằng với số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 4.859.000 đồng thay cho nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của bị đơn.

Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn B nhưng các đương sự có mặt thống nhất được nội dung giải quyết vụ án, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này bằng quyết định của bản án, Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ trả bà Lương Thị H 116.730.000 đồng, thời điểm trả là ngày 30/4/2025, đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi lãi suất và 4.800.000 đồng tiền 03 xe cát lốt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 55 của Luật thương mại 2005 sửa đổi bổ sung năm 2019; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về án phí: Đối với án phí sơ thẩm, bị đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng được trừ trong số tiền tạm ứng án phí do nguyên đơn đã nộp, là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 55 của Luật thương mại 2005 sửa đổi bổ sung năm 2019;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị H số tiền 116.730.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), thời điểm trả tiền vào ngày 30/4/2025.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi và yêu cầu đòi tiền 03 xe cát lốt là 4.800.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn.

3. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần T2 phải chịu 5.836.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba sáu nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lương Thị H đã nộp là 4.859.000 đồng (Bốn triệu tám trăm năm chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001924 ngày 19/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp. Công ty cổ phần T2 còn phải nộp 977.000 đồng (Chín trăm bảy bảy nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Mạnh Thắng**